

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TẠI
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI
THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

Nội dung	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2)	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau đây: a) Khách hàng vay vốn theo quy định tại Nghị định này. b) Ngân hàng Chính sách xã hội. c) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng theo nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 424/NQ-CP của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội: Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN
Địa bàn thực hiện (Điều 3)	Thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.	Phù hợp với phạm vi tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình): Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn quốc, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
Nguyên tắc cho vay (Điều 4)	1. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đúng đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát trong việc cho vay vốn. 2. Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội.	Quy định nguyên tắc cho vay phù hợp với quy định hiện hành của NHCSXH về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính

	3. Khách hàng đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng có cùng mục đích sử dụng vốn vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì được lựa chọn thụ hưởng chính sách vay vốn có mức ưu đãi cao nhất.	phủ), Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH: - Điều 29 Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH quy định: 1. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đúng đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát trong việc cho vay vốn. 2. Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội. - Điều 15 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP quy định: 1. Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; 2. Người vay phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.
Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro (Điều 5)	Việc phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay theo quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.	Quy định về phân loại nợ, xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg, Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.
Bảo đảm tiền vay (Điều 6)	1. Khách hàng vay vốn là hộ gia đình theo quy định tại Nghị định này không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay. 2. Khách hàng vay vốn không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.	Theo quy định của các chương trình tín dụng đang triển khai tại NHCSXH, hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo khi vay vốn sản xuất kinh doanh tại NHCSXH thì không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay. Do đó, dự thảo Nghị định quy định khách hàng vay vốn là hộ gia đình không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay để phù hợp với các quy định hiện hành

Nguồn vốn cho vay (Điều 7)	Nguồn vốn cho vay theo quy định tại Nghị định này bao gồm: 1. Nguồn vốn từ ngân sách trung ương bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay các chính sách tín dụng tại Nghị định này theo quy định của pháp luật. 2. Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.	đang triển khai tại NHCSXH. Quy định phù hợp với Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG: - Nghị quyết số 257/2025/QH15 quy định: Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước cấp): Khoảng 23.000 tỷ đồng. Trong quá trình điều hành, Chính phủ ưu tiên cân đối ngân sách trung ương bổ sung cho Chương trình, bao gồm vốn tín dụng chính sách xã hội để có đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. - Điều 14 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định: + Bố trí vốn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối và huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện tín dụng chính sách xã hội được cân đối trong tổng vốn đầu tư công ngân sách trung ương theo Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình. + Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cơ chế, chính sách, quy mô bố trí ngân sách tự cân đối của địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư, nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.
---------------------------------------	--	---

Cho vay hỗ trợ đất ở (Chương II, từ Điều 8 đến Điều 13)	Điều 8. Đối tượng vay vốn Khách hàng vay vốn hỗ trợ đất ở bao gồm: 1. Hộ gia đình người dân tộc thiểu số. 2. Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ. Điều 9. Điều kiện vay vốn Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay. Điều 10. Mục đích sử dụng vốn vay Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở. Điều 11. Mức cho vay Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 100 triệu đồng/hộ. Điều 12. Thời hạn cho vay Thời hạn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 15 năm. Điều 13. Lãi suất cho vay 1. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm. 2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.	1. Tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình) đã đề xuất các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện thông qua NHCSXH tại Hợp phần thứ 2 (Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) trong đó có Nhóm nội dung số 1 (Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi): - Mở rộng đối tượng, phạm vi thụ hưởng và nâng mức cho vay chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội. - Hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được vay tại NHCSXH để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở, chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở. 2. Về các quy định cụ thể của chính sách: - Về mức cho vay: Hiện nay mức cho vay tối đa phục vụ sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đang áp dụng tối đa là 100 triệu đồng/hộ (theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP). Do đó, tại dự thảo Nghị định đang quy định mức cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo
--	---	--

		tương đồng với mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (về mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh). - Về lãi suất cho vay: Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới: Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Tại dự thảo Nghị định tiếp tục giữ các mức lãi suất theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: <i>Mức lãi suất cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở: 3%/năm</i> để tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các mức lãi suất đang thực hiện theo các chương trình tín dụng chính sách khác tại NHCSXH. - Về thời hạn cho vay: Tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở tối đa là 15 năm, thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề tối đa là 10 năm. Đối với các chương trình tín dụng chính sách khác đang triển khai tại NHCSXH phần lớn đang áp dụng thời hạn cho vay tối đa là 10 năm (cho vay hộ nghèo, cho vay hộ cận nghèo, cho vay giải quyết việc làm), còn lại một số chương trình quy định thời hạn cho vay tối đa là 5 năm (cho vay hộ mới thoát nghèo), tối đa 25 năm (cho vay nhà ở xã hội). Căn cứ rà soát thời hạn cho vay của các chương
--	--	---

		trình tín dụng tại NHCSXH, tại dự thảo Nghị định quy định thời hạn cho vay của các chính sách kế thừa theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Thời hạn cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở: tối đa 15 năm.
Cho vay hỗ trợ nhà ở (Chương III từ Điều 14 đến Điều 19)	Điều 14. Đối tượng vay vốn Khách hàng vay vốn hỗ trợ nhà ở bao gồm: 1. Hộ gia đình người dân tộc thiểu số. 2. Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ. Điều 15. Điều kiện vay vốn Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay. Điều 16. Mục đích sử dụng vốn vay Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở. Điều 17. Mức cho vay Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 100 triệu đồng/hộ. Điều 18. Thời hạn cho vay Thời hạn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 15 năm. Điều 19. Lãi suất cho vay 1. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm. 2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.	1. Tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình) đã đề xuất các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện thông qua NHCSXH tại Hợp phần thứ 2 (Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) trong đó có Nhóm nội dung số 1 (Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi): - Mở rộng đối tượng, phạm vi thụ hưởng và nâng mức cho vay chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội. - Hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được vay tại NHCSXH để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở, chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở. 2. Về các quy định cụ thể của chính sách: - Về mức cho vay: Hiện nay mức cho vay tối đa phục vụ sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo,

		hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đang áp dụng tối đa là 100 triệu đồng/hộ (theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP). Do đó, tại dự thảo Nghị định đang quy định mức cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo tương đồng với mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (về mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh). - Về lãi suất cho vay: Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới: Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Tại dự thảo Nghị định tiếp tục giữ các mức lãi suất theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: <i>Mức lãi suất cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở: 3%/năm</i> để tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các mức lãi suất đang thực hiện theo các chương trình tín dụng chính sách khác tại NHCSXH. - Về thời hạn cho vay: Tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở tối đa là 15 năm, thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề tối đa là 10 năm. Đối với các chương trình tín dụng chính sách khác đang triển khai tại NHCSXH phần lớn đang áp dụng thời hạn cho vay tối đa là 10 năm (cho vay hộ nghèo, cho
--	--	---

		vay hộ cận nghèo, cho vay giải quyết việc làm), còn lại một số chương trình quy định thời hạn cho vay tối đa là 5 năm (cho vay hộ mới thoát nghèo), tối đa 25 năm (cho vay nhà ở xã hội). Căn cứ rà soát thời hạn cho vay của các chương trình tín dụng tại NHCSXH, tại dự thảo Nghị định quy định thời hạn cho vay của các chính sách kế thừa theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Thời hạn cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở: tối đa 15 năm.
Cho vay hỗ trợ đất sản xuất (Chương IV từ Điều 20 đến Điều 25)	Điều 20. Đối tượng vay vốn Khách hàng vay vốn hỗ trợ đất sản xuất bao gồm: 1. Hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ. 2. Hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Điều 21. Điều kiện vay vốn Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay. 4. Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề. Điều 22. Mục đích sử dụng vốn vay Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất. Điều 23. Mức cho vay Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 200 triệu đồng/hộ. Điều 24. Thời hạn cho vay Thời hạn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10 năm. Điều 25. Lãi suất cho vay	1. Tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình) đã đề xuất các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện thông qua NHCSXH tại Hợp phần thứ 2 (Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), trong đó Nhóm nội dung số 2 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi): - Hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề đối với hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương. 2. Về các quy định cụ thể của chính sách: - Về mức cho vay: Hiện nay mức cho vay giải quyết việc làm, duy trì, tạo việc làm đang áp dụng tối đa là 200 triệu đồng/lao động (theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP). Do đó, tại dự thảo Nghị định đang quy định mức cho vay hỗ

	1. Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ. 2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.	trợ đất sản xuất bằng mức cho vay giải quyết việc làm đang triển khai tại NHCSXH. - Về lãi suất cho vay: Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới: Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Tại dự thảo Nghị định tiếp tục giữ các mức lãi suất theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: <i>Mức lãi suất cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo (hiện nay là 3,12%/năm)</i> để tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các mức lãi suất đang thực hiện theo các chương trình tín dụng chính sách khác tại NHCSXH. - Về thời hạn cho vay: Tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề tối đa là 10 năm. Đối với các chương trình tín dụng chính sách khác đang triển khai tại NHCSXH phần lớn đang áp dụng thời hạn cho vay tối đa là 10 năm (cho vay hộ nghèo, cho vay hộ cận nghèo, cho vay giải quyết việc làm), còn lại một số chương trình quy định thời hạn cho vay tối đa là 5 năm (cho vay hộ mới thoát nghèo), tối đa 25 năm (cho vay nhà ở xã hội). Căn cứ rà soát thời hạn cho vay của các chương
--	--	--

		trình tín dụng tại NHCSXH, tại dự thảo Nghị định quy định thời hạn cho vay của các chính sách kế thừa theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Thời hạn cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: tối đa 10 năm.
Cho vay chuyển đổi nghề (Chương V từ Điều 26 đến Điều 31)	Điều 26. Đối tượng vay vốn Khách hàng vay vốn chuyển đổi nghề bao gồm: 1. Hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ. 2. Hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Điều 27. Điều kiện vay vốn Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay. 4. Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề. Điều 28. Mục đích sử dụng vốn vay Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí học nghề, chuyển đổi nghề. Điều 29. Mức cho vay 1. Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ. 2. Mức cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 200 triệu đồng/hộ. Điều 30. Thời hạn cho vay 1. Thời hạn cho vay học nghề được áp dụng theo chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ. 2. Thời hạn cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10	1. Tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình) đã đề xuất các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện thông qua NHCSXH tại Hợp phần thứ 2 (Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), trong đó Nhóm nội dung số 2 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi): - Hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề đối với hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương. 2. Về các quy định cụ thể của chính sách: - Về mức cho vay: Hiện nay mức cho vay giải quyết việc làm, duy trì, tạo việc làm đang áp dụng tối đa là 200 triệu đồng/lao động (theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP). Do đó, tại dự thảo Nghị định đang quy định mức cho vay hỗ trợ đất sản xuất bằng mức cho vay giải quyết việc làm đang triển khai tại NHCSXH. - Về lãi suất cho vay: Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả

	năm. Điều 31. Lãi suất cho vay 1. Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ. 2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.	của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới: Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Tại dự thảo Nghị định tiếp tục giữ các mức lãi suất theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: <i>Mức lãi suất cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo (hiện nay là 3,12%/năm)</i> để tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các mức lãi suất đang thực hiện theo các chương trình tín dụng chính sách khác tại NHCSXH. - Về thời hạn cho vay: Tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề tối đa là 10 năm. Đối với các chương trình tín dụng chính sách khác đang triển khai tại NHCSXH phần lớn đang áp dụng thời hạn cho vay tối đa là 10 năm (cho vay hộ nghèo, cho vay hộ cận nghèo, cho vay giải quyết việc làm), còn lại một số chương trình quy định thời hạn cho vay tối đa là 5 năm (cho vay hộ mới thoát nghèo), tối đa 25 năm (cho vay nhà ở xã hội). Căn cứ rà soát thời hạn cho vay của các chương trình tín dụng tại NHCSXH, tại dự thảo Nghị định quy định thời hạn cho vay của các chính sách kế thừa theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Thời hạn cho
--	--	--

		vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: tối đa 10 năm.
Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh (Chương VI từ Điều 32 đến Điều 37)	Điều 32. Đối tượng vay vốn Khách hàng vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bao gồm: 1. Hộ gia đình. 2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh). Điều 33. Điều kiện vay vốn Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Đối với hộ gia đình: a) Cư trú hợp pháp tại địa phương. b) Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. c) Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay. 2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: a) Được thành lập, hoạt động hợp pháp tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. b) Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay. Điều 34. Mục đích sử dụng vốn vay Khách hàng được vay vốn để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Điều 35. Mức cho vay 1. Mức cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh đối với hộ gia đình tối đa không quá 200 triệu đồng/hộ. 2. Mức cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất, kinh doanh. Điều 36. Thời hạn cho vay Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10 năm. Điều 37. Lãi suất cho vay 1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ. 2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.	1. Tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình) đã đề xuất các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện thông qua NHCSXH tại Hợp phần thứ 2 (Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), trong đó Nhóm nội dung số 1: “Mở rộng đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội tới người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp cư trú/hoạt động hợp pháp tại vùng DTTS&MN được vay vốn tín dụng chính sách xã hội để phát triển, nâng cao chất lượng và số lượng lao động là người dân tộc thiểu số tham gia sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội.” 2. Về các quy định cụ thể của chính sách: - Về mức cho vay: Hiện nay mức cho vay giải quyết việc làm, duy trì, tạo việc làm đang áp dụng tối đa là 200 triệu đồng/lao động và 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất, kinh doanh (theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP). Do đó, tại dự thảo Nghị định đang quy định mức cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bằng mức cho vay giải quyết việc làm đang triển khai tại NHCSXH. - Về lãi suất cho vay: Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới: Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho

		hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Do đó, tại dự thảo Nghị định quy định mức lãi suất <i>bằng lãi suất cho vay hộ nghèo (hiện nay là 6,24%/năm)</i>, đồng thời, đồng bộ với các mức lãi suất đang thực hiện theo các chương trình tín dụng chính sách khác tại NHCSXH. - Về thời hạn cho vay: Dự thảo Nghị định quy định thời hạn cho vay tương đồng với Chương trình cho vay giải quyết việc làm của Chính phủ tối đa là 10 năm.
Trách nhiệm của các cơ quan liên quan (Chương VI từ Điều 38 đến Điều 41)	Điều 38. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: a) Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan, các địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định này. b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương đề xuất biện pháp xử lý và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền. c) Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này và đề xuất giải pháp triển khai trong những năm tiếp theo. 2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường: a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan, các địa phương nghiên cứu, đề xuất bổ sung ngân sách trung ương bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này. b) Hướng dẫn các địa phương tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ, giao kế hoạch, dự toán ngân sách trung ương bố trí để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và quy định tại Nghị định này. c) Hướng dẫn các địa phương rà soát, phê duyệt danh sách hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp theo quy định của pháp luật. 3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Tổng hợp, công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền	Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của các cơ quan liên quan (NHNN, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính), trách nhiệm của UBND các cấp, NHCSXH trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan và quy định tại Nghị quyết số 424/NQ-CP của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội.

núi, thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo lĩnh vực được phân công đảm bảo nguồn lực thực hiện Nghị định và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức chính trị - xã hội để tuyên truyền, tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức tuyên truyền chính sách, triển khai theo quy định tại Nghị định này.

2. Phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách vay vốn ưu đãi theo quy định Nghị định này và cung cấp cho NHCSXH làm cơ sở pháp lý để cho vay.

3. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai minh bạch, tránh chồng chéo, lợi dụng, trục lợi chính sách.

4. Bố trí ngân sách địa phương để ủy thác thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Hướng dẫn hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay đối với các đối tượng vay vốn theo quy định, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, công khai, minh bạch.

2. Thực hiện cho vay các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

3. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của đối tượng vay vốn, bảo đảm vốn vay được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay.

	4. Định kỳ hằng tháng (trước ngày 15 tháng kế tiếp), Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo số liệu về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ hằng năm (trước ngày 31 tháng 1 năm liền kề), Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. 5. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền chính sách, tổ chức, triển khai theo quy định tại Nghị định này. Điều 41. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn 1. Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định tại Nghị định này, sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi vốn vay đầy đủ, đúng thời hạn theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng. 2. Khách hàng vay vốn không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất sản xuất, nhà ở trong thời gian còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội.	
Điều khoản thi hành (Chương VII từ Điều 42 đến Điều 44)	Điều 42. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 2. Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp Các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn đã ký kết theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Chính sách xã hội, khách hàng vay vốn tiếp tục được thực hiện theo các cam kết, các quyền hạn và trách nhiệm ghi trong hợp đồng đã ký. Điều 44. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	Dự thảo Nghị định quy định các điều khoản thi hành, trong đó quy định kết thúc hiệu lực của Nghị định số 28/2022/NĐ-CP triển khai trong giai đoạn 2021-2025 và quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho khách hàng vay vốn.